

# QUAN ĐIỂM TỔNG HỢP VÀ NHỮNG TRIỂN VỌNG TRONG LÝ LUẬN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG: TACOTT PARSONS

N. GHENOV

*L. T. S. Trong những năm gần đây, xu hướng nghiên cứu, đánh giá lại và phát triển lý luận xã hội học của Parsons<sup>1</sup>, đặc biệt là chủ nghĩa cơ cấu chức năng đang trở thành một sinh hoạt thời sự trong giới xã hội học. Để giúp bạn đọc tham khảo, đánh giá đúng đắn những mặt mạnh và những hạn chế trong quan điểm lý luận của Parsons, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài viết của tiến sĩ N. Ghenov, một nhà xã hội học Bungari. Trong bài có những luận điểm còn cần được trao đổi, tranh luận để làm rõ thêm, hy vọng rằng nó sẽ là những gợi ý tốt cho những độc giả và đang quan tâm tới vấn đề này.*

C hắc chắn có ngoại tệ, nhưng điều hiển nhiên là thời gian đã sàng lọc một cách khắt khe những giá trị thực tiễn trong sự phát triển của các tư tưởng xã hội học. Đã từ lâu mô hình trí tuệ của thuyết cơ cấu chức năng chỉ còn là sự kiện lịch sử. Những cuộc tranh cãi vào những năm 70 khi mà sự phủ nhận chức năng và chủ yếu là thuyết Parsons là hình thức bắt buộc khi tiếp cận với cục diện tư tưởng, ngày càng đi vào dĩ vãng. Những sự ham thích từng thời đã qua đi nhưng mối quan tâm đến lý luận xã hội học đại cương của Talcott Parsons không hề bị suy giảm. Ngược lại nửa đầu những năm 80 lại thời kỳ đánh giá và sáng suốt giá trị khoa học cho rằng trong số những nhà lý luận xã hội học sau thời kỳ cổ điển công hiến có tính lý luận của Parsons được coi ngang tầm với những công hiến lý luận của Mác, Durkheim và Weber<sup>1</sup>. Và trong các công trình nghiên cứu mácxít, lý luận của Parsons cũng được đánh giá là “lý luận” tổng hợp “duy nhất trong xã hội tư sản”. Mặc dù ở mức độ phác họa ban đầu nhưng nó đã giải đáp được những vấn đề mà các lý thuyết tư sản khác không đụng chạm tới<sup>2</sup>.

Nguyên nhân của nhất trí ngày càng tăng đó không chỉ đơn giản do chất lượng sự tổng hợp lý luận của Parsons. Ngày nay xã hội học đang ở thời kỳ chưa xác định được thật rõ ràng về lý luận, nó đang tìm đường khỏi tình trạng lộn trong chương trình nghiên cứu, khi mà “tất cả đã cho phép”. Và chính quan điểm của Parsons đã tạo ra những định hướng nhất định để có thể giải quyết nhiệm vụ này. Đó

---

1. Talcott Parsons, nhà xã hội học Mỹ, người xác lập những nền tảng của học thuyết cấu trúc – chức năng trong xã hội học. Tác phẩm *Cấu trúc và quá trình trong xã hội học hiện đại*, Nxb Free Press of Glencoe Illinois, 1969, *Hệ thống xã hội*, Toronto, Nxb Free Press, Mac Milan, 1980.

chính là việc nắm vững một cách sâu sắc và có phê phán truyền thống tư tưởng xã hội học, xây dựng một cách hệ thống và mạnh mẽ bộ máy phạm trù, luôn luôn hướng tới việc tìm ra mối quan hệ giữa công tác nghiên cứu phân tích trừu tượng với nghiên cứu những quá trình, những cơ cấu xã hội lịch sử cụ thể. Vì vậy không có gì lạ ở chỗ là những tư tưởng lý luận xã hội học đại cương của Parsons đã trở thành điểm tựa cơ bản trong việc liên kết tư tưởng của các nhà xã hội học cổ điển và trong việc tìm kiếm những xu thế tổng hợp lý luận, mới. Quả vậy, một lần sóng mới quan tâm đến những tư tưởng của Parsons đã được công bố, mà trong đó các tác giả đã công khai nhấn mạnh tới những chủ kiến của mình<sup>3</sup>.

Tình trạng là lòng này trong lịch sử tư tưởng xã hội học đòi hỏi những nỗ lực mới để tiến hành phân tích một các Mác-xít và đánh giá quan điểm tổng hợp lý luận của Parsons phù hợp với những phạm trù tư tưởng và khoa học đang thay đổi nhanh chóng. Cần phải đặt lại việc thảo luận những thành tựu và hạn chế của lý luận xã hội học đại cương của Parsons, tìm ra những phương hướng giải quyết Mác-xít có hệ thống những vấn đề khoa học hiện thực mà ông ban tới. Trong giai đoạn hiện nay có thể đạt những chi tiết lịch sử vụn vặt ra phía sau<sup>4</sup> và tập trung chủ ý vào hạt nhân quan điểm xã hội học của Parsons, không chỉ tìm ra những hạn chế mà cả tiềm năng khoa học của ông đối với sự phát triển tiếp tục lý luận xã hội học đại cương. Chẳng hạn, quan điểm về cơ cấu và động lực hoạt động xã hội do Parsons phát triển mở ra những triển vọng? Quan điểm của ông về đối tượng xã hội học được chấp nhận đến đâu? Và những quan niệm về mối quan hệ giữa lý luận xã hội học và thực tiễn xã hội trong nội dung của quan điểm xã hội học riêng của ông phù hợp đến đâu?

Điểm xuất phát tự nhiên của mọi sự cố gắng đều là tìm ra lời giải đáp cho những câu hỏi đó, phân tích những thành tựu và hạn chế trong tổng hợp lý luận của Parsons, là quan niệm của ông về bản chất của hoạt động xã hội.

### **1. Mô hình bản thể luận xã hội.**

Sự quan tâm kiên định đến những tư tưởng đó của Parsons buộc ông phải có những cố gắng lớn để khắc phục sự bà! đồng ý kiến của nhiều tác giả nổi tiếng và những khuynh hướng trong truyền thống xã hội học, vạch ra bộ máy phạm trù cho lý thuyết thống nhất về hoạt động xã hội. Nội dung bài viết của ông đăng trong tạp chí “Những vấn đề xã hội học”<sup>1</sup> là kết quả điển hình của những nỗ lực nghiên cứu và công bố một mô hình bản thể luận về xã hội, một mô hình mang những yếu tố tích cực biện chứng so với những quan điểm phiến diện đa dạng và đồng thời phủ định tính chất phiến diện của những quan điểm đó. Ở đây thể hiện rõ ràng xu hướng thống nhất tư tưởng của các quan điểm và hoạt động xã hội và các hệ thống xã hội về mối quan hệ của cá nhân và tập thể, tính ổn định và sự thay đổi trong hoạt động xã hội. Luận điểm cơ bản của những nội dung lý giải có ảnh hưởng đến tư tưởng của Parsons là với nỗ lực liên kết từ đầu đến cuối trên con đường sáng tạo của mình ông đã phát triển một mô hình duy nhất, một mô hình về hiện thực xã hội, được lý giải theo lý thuyết về các hệ thống xã hội hoặc lý thuyết duy ý chí về hoạt động xã hội<sup>3</sup>.

Sự phát triển tư tưởng trong thực tế của Parsons đã được đặt ra trong sự hoài nghi. Trong chuyên khảo đầu tiên của ông “Cơ cấu của hoạt động xã hội” (1937) trước

1. Bài “Những khuynh hướng lý thuyết” của Parsons. Tạp chí “Những vấn đề xã hội học”, 1-1988, Bungari.

tiên hành nghiên cứu và sử dụng mô hình lý luận về hành động riêng biệt của từng cá nhân (unit act). Yếu tố cơ bản của mô hình này là những khái niệm *mục đích*, *phương tiện* (phụ thuộc vào yếu tố tác động của trạng thái hành động), *điều kiện* (không phụ thuộc vào yếu tố tác động của trạng thái) và *quan hệ chuẩn mực* của mục đích với phương tiện và điều kiện<sup>6</sup>. Thật vậy, chủ định chính của mô hình lý thuyết này là đảm bảo tiến trình và công cụ để phân tích nguyên nhân mà từng cá nhân hình thành và duy trì trật tự xã hội trong tập thể. Lời giải đáp ở giai đoạn đầu đã nêu rõ cá nhân đã tiếp thu và tuân theo một cách tự giác và có ý thức những giá trị và chuẩn mực xã hội của xã hội mình và như vậy tránh khỏi tai họa xã hội của cuộc chiến tranh người nọ chống lại người kia mà T. Nobbes đã mô tả. Mặc dù bằng cách đó đã kết hợp được những tư tưởng cơ bản của E. Durkheim, M. Weber và nhiều nhà lý luận nổi tiếng khác trong khuôn khổ phạm trù của thuyết duy ý chí về hoạt động xã hội, có tính đến cả khả năng định hướng hợp lý và sự lựa chọn của cá nhân, Parsons vẫn chưa nêu ra được một số vấn đề mang tính nguyên tắc của lý luận xã hội học đại cương trong giai đoạn đó. Ông đã không sử dụng những khái niệm cần thiết về xã hội, cá nhân, sự tác động qua lại giữa xã hội và cá nhân trong quá trình phát triển xã hội cho mục đích của mình.

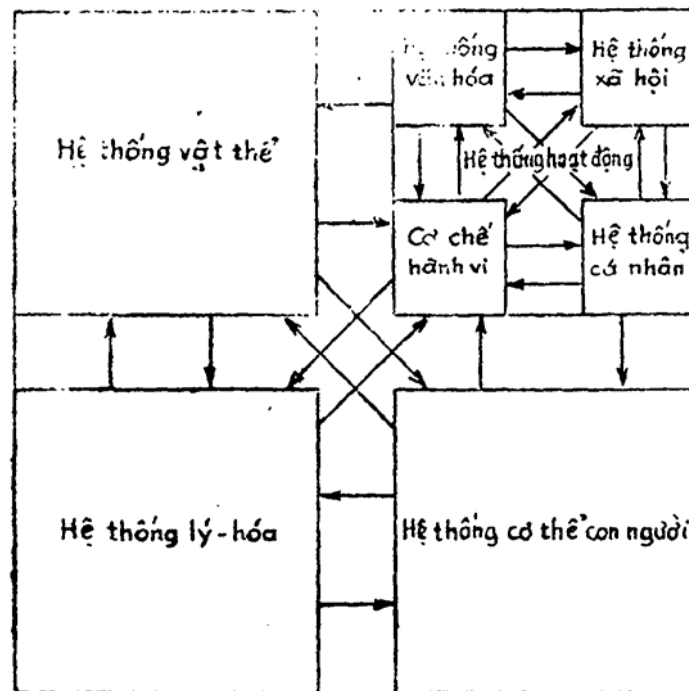
Một bước tiến quan trọng để bổ sung cho những khiếm khuyết này là chuyên môn khảo của Parsons “Hệ thống xã hội” và sưu tập “Về lý luận chung của hành động” được công bố vào năm 1951. Trong những tài liệu này, khái niệm về hành động và những thành phần của nó được đặt ở phía cuối. Trung tâm của sự chú ý là việc phân tở giới hạn các phân hệ phân tích của mỗi hành động, có là hệ thống văn hóa, hệ thống xã hội và cá nhân. Sự tổng hợp lý luận mới này mà trong đó tư tưởng của S. Freud đóng vai trò cơ bản đã được bổ sung thêm bởi khái niệm về 5 cặp định hướng của mỗi chủ thể hành động (“hình mẫu biến đổi”): xúc cảm – tính trung lập xúc cảm; chủ nghĩa tổng hợp – chủ nghĩa phân lập; hướng về bản thân – hướng về tập thể; thể hiện – sao chép; phân loại – khuyếch tán<sup>7</sup>. Còn sơ đồ nổi tiếng gồm 4 chức năng A – G – I – L (mô phỏng, đạt tới mục đích, liên kết và bản toàn hình mẫu) xuất hiện vào năm 1953 trong công trình phối hợp của Parsons với E. Shils và R. F. Bales: “Tài liệu nghiên cứu về lý thuyết hoạt động”. Đồng thời với nó cũng là kết thúc luôn sự chuyển tiếp từ ưu thế của hệ đề tài hành động cá nhân sang tập trung chú ý đến những vấn đề cơ bản của hệ thống xã hội như sử dụng cơ chế phân hạng có giá trị về mặt nguyên tắc đối với việc nghiên cứu mỗi một hệ thống sinh động<sup>8</sup>.

Tuy nhiên có ý kiến cho rằng mặc dù những tổng hợp lý luận khác nhau đó nhưng đa số những giải pháp và quan điểm về nội dung và phương pháp luận chung vẫn chưa đựng những mô hình bản thể luận xã hội khác nhau. Đó là một trong nhiều nguyên nhân về sự khác nhau và bất đồng đáng kể phần diễn giải tư tưởng của Parsons. Ở đây không thể đi vào chi tiết từng mô hình bản thể luận xã hội của ông và các cuộc tranh luận về chúng, mà cần phải tập trung chú ý đến một mô hình bản thể luận xã hội tương đối hoàn chỉnh và được sử dụng trong các công trình nghiên cứu của Parsons sau năm 1953.

Nét đặc trưng của mô hình này là tính chất nhất quán trong phân định giới hạn và liên kết các quá trình và cơ cấu cơ bản của thực tiễn xã hội. Bối cảnh phạm trù để xây dựng kết cấu phức tạp này từ những khái niệm ở mọi nơi đều là khung 4 vấn đề cơ bản mà mỗi hệ thống xã hội đều phải giải quyết hoặc sơ đồ chức năng A – G – I – L.

Việc vận dụng nó là hết sức đa dạng nhưng đến cuốn sách cuối cùng của Parsons “Lý thuyết về hoạt động và điều kiện tồn tại của con người” nó mới biểu hiện nhưng phương tiện để cơ cấu hóa một cách triệt để thực tế, coi là bình thường đối với các hệ thống triết học tự nhiên truyền thống. Ông giải quyết vấn đề đó bằng cách tách riêng 4 phân hệ điều kiện tồn tại của con người: hệ thống lý hóa (A), hệ thống cơ thể con người (G); hệ thống hoạt động: (I); hệ thống vật thể hoặc hệ thống các mục đích cuối cùng (L). Hệ thống hoạt động lại tiếp tục được phân chia bằng cách tách riêng các phân hệ của nó ra mà một trong số đó là hệ thống xã hội<sup>9</sup>. (Hình 1).

Hình 1. Các phân hệ phân tích những điều kiện tồn tại của con người



Tư tưởng chỉ đạo thứ hai sau sự tách riêng cơ cấu thành các cấp độ hệ thống khác nhau và phân chia nhỏ chúng ta trong mô hình của Parsons là 4 phân hệ tương ứng trong mỗi cấp độ hệ thống nhất định, tác động qua lại lẫn nhau. Thứ ba là chung tác động lẫn nhau, thâm nhập vào nhau làm hình thành những vùng có thuộc tính chung đối với hai hệ thống tiếp giáp. Ngoài ra theo Parsons, sự tác động qua lại đó còn xảy ra như mỗi một phân hệ, xây dựng, duy trì và sử dụng khâu trung gian tổng hợp đặc biệt. Ở cấp hệ thống các điều kiện tồn tại của con người, những khâu trung gian đó là trật kinh nghiệm ở các hệ thống lý - hóa, sức khỏe, ở hệ thống vật thể (hệ thống các mục đích chính, mục đích “cuối cùng”). Trong phạm vi hệ thống hoạt động, các khâu trung gian tổng hợp là tính chất trí thức ở cơ chế hành vi, khả năng hành động ở hệ thống cá nhân, các mối liên hệ có giá trị (có hiệu quả) ở hệ thống xã hội và sự xác định hoàn cảnh ở hệ thống văn hóa. Một hướng phân hóa loại khác là sự tách riêng các quá trình tiến hóa cơ bản: sự phát triển của tính chất mô phỏng (A) (thích nghi), sự phân hóa cơ cấu và chức năng (G); đưa yếu tố mới vào hệ thống (I) và tổng hợp giá trị (L). Và cuối cùng toàn bộ sự phụ thuộc có tính chất cơ cấu và quá trình, theo

Parsons, đều theo sự điều chỉnh điều khiển hai chiều, đó là thông tin ở chiều hướng của những chức năng L và năng lượng ở chiều hướng của phân hệ thực hiện chức năng A của cấp tương ứng.

Hoàn toàn rõ ràng cho đến nay, trong lịch sử các khoa học xã hội và đặc biệt là xã hội học phi Mác-xít đây là một thử nghiệm chi tiết nhất nhằm xây dựng hệ thống phân tích các khái niệm hướng vào những đặc trưng cơ bản của thực tiễn xã hội và các mối liên hệ của chúng. Và một điều cơ bản nữa là Parsons luôn luôn và trong rất nhiều trường hợp đã sử dụng một cách thành công bộ máy phạm trù trừu tượng nhất, để phân tích từng quá trình và cơ cấu xã hội như cơ cấu và tính xã hội hóa của cá nhân, gia đình, phân tầng xã hội, sự xuất hiện và phát triển của nền văn minh hiện đại. Bộ máy phạm trù này còn được nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng khác sử dụng cho mục đích nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm. Sự hấp dẫn và ảnh hưởng của tư tưởng phân tích của Parsons chủ yếu là ở chỗ, ông ta có nguyện vọng hình thành nên những phương hướng lý luận vững chắc chứ không thể giống như những mô hình tư tưởng của Weber chẳng hạn. Và chính sự tán thành với quan điểm của Parsons và đối chiếu với những kết quả nghiên cứu thu được ngày nay phần lớn các nhà xã hội học đồng ý hay không đồng ý với tư tưởng của Parsons đều thấy từ đó một triển vọng chắc chắn duy nhất về sự phát triển tổng quát tri thức xã hội học và đồng thời khẳng định qui chế khoa học của ngành xã hội học.

Thái độ của chúng ta đối với hiện tượng khoa học và văn hóa có giá trị như thế nào? Có hai chiến lược thực tế phổ biến nhưng ít triển vọng để giải quyết nhiệm vụ tinh thần và nhận thức đó. Một là, vay mượn một cách công khai hoặc không công khai từng tư tưởng của Parsons để sử dụng cho những mục đích đa dạng nhất. Điều này rõ ràng không thể là phương pháp có hiệu quả được khi mà tình hình của lý luận xã hội học đại cương phải đánh giá lại và đang phải tìm đường cho nó tiếp tục phát triển. Chiến lược thứ hai là cư việc coi thường xu hướng tổng hợp lý luận của Parsons. Chiến lược triển vọng duy nhất là phải phân tích và đánh giá những thông số phân biệt trong lý thuyết xã hội học đại cương của Parsons bằng cách lần theo mối quan hệ của chúng trong hệ thống lý thuyết của ông ta.

Về sơ đồ khái - sơ đồ khái niệm A - G - I - L thì tương đối rõ ràng. Đó là một thành tựu trong lý luận về các hệ thống tự quản và tự phát triển. Thực ra, nhận thức nó không khó khăn đối với bất kỳ một tiền đề triết học đặc thù và tiền đề khoa học riêng nào cả và chắc rằng trong tương lai nó sẽ được sử dụng theo nhiều phương án khác nhau để nghiên cứu các hệ thống "sống" từ tính tích cực đồng hóa dị hóa của a-míp đến các hệ thống lý luận. Nhưng việc Parsons sử dụng khung này để đặt ra và giải quyết bất kỳ vấn đề nào trong sự luận chứng bản thể học của lý thuyết xã hội học đại cương và trong từng công trình nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm đã tạo ra những nghi ngờ và phản bác. Tại sao, chẳng hạn trong hệ thống các điều kiện tồn tại của con người lại không tách riêng khái niệm thế giới vật chất, do con người tạo ra như máy móc, nhà cửa đường sá? Nó không chỉ đơn giản là một phần của hệ thống lý - hóa tự nhiên, mà còn là một phần của "cơ thể vô cơ" của con người, là cái mà con người đạt được trong tiến trình phát triển của nền văn minh, càng ngày càng có ý nghĩa to lớn hơn đối với sự tồn tại của bản thân con người. Ở đây chúng tôi không có ý đem đối lập phân loại học phân tích của Parsons với phân loại học bộ môn cụ thể. Trong trường hợp này cũng như trong nhiều trường hợp khác, chúng tôi chỉ nói về khuynh hướng

của Parsons đưa toàn bộ những thông số hoạt động xã hội, một cách nhân tạo vào sự phân loại bốn chức năng A – G – I – L. Như vậy ông đã gượng ép, đem thay đổi sự phong phú của thực tiễn và ý nghĩa thực tế của từng thông số trong thực tiễn vào phục vụ cho tính chất hình thức của lý luận phân loại học. Với phương thức này một tình thế trái ngược có thể xảy ra trong khi rõ ràng Parsons đã đúng khi phản bác lại tính cụ thể, không đúng chỗ trong phân loại học lý thuyết, bản thân ông lại dừng lại ở cực đối lập trong việc xây dựng lý luận xã hội học là chủ thể hóa những khái niệm trừu tượng nhất, trừu tượng hóa lý luận không đúng chỗ trong việc xây dựng khung phạm trù của xã hội học đại cương. Vì vậy, mặc dù sự hấp dẫn đặc biệt của các khung phạm trù chính xác của Parsons được xây dựng như trò chơi Nhật bản “Hộp trong hộp trong hộp”, một khung phạm trù tự do hơn mà lưu giữ được phần cơ bản của những thành tựu mang tính nội dung và phương pháp luận trong tổng hợp lý luận của Parsons chắc chắn sẽ có hiệu quả hơn và đồng thời sẽ không có sự cưỡng ép những khái niệm phân tích đối với nội dung nhận thức kinh nghiệm.

Vấn đề cơ bản khác của mô hình bản thể luận xã hội mà Parsons phát triển và sử dụng là đầu mối thăng bằng giữa những yếu tố cơ bản trong sự tương tác xã hội. Hiển nhiên là ông dựa vào hệ thống lý luận của mình những khái niệm với phạm vi rộng các yếu tố như bắt đầu đi từ môi trường thiên nhiên, những đặc tính tâm sinh lý của cá nhân con người đến trình độ văn minh của tổ chức xã hội và những hệ thống văn hóa trừu tượng nhất. Bằng cách này ông muốn khắc phục tính cực đoan của quan điểm tuyệt đối hóa cá nhân và tuyệt đối hóa vai trò xã hội học đại cương (xolizma) của những quan điểm duy tâm sinh vật kinh tế trong lý luận xã hội học đại cương, của chức năng của Freud cùng với tư tưởng của E. Durkheim đối với mô hình bản thể luận xã hội của ông đã để lại dấu ấn sâu sắc đối với những giải pháp mang tính nguyên tắc về bản chất của thực tiễn xã hội. Dấu vết đó thể hiện rõ nhất trong quan điểm của ông về hoạt động xã hội. Đối với Parsons, hoạt động này trước hết được xác định qua giao tiếp tương trung. Điều này cũng giải thích luôn cho ý nghĩa hàng đầu mà ông đã đánh giá sự liên kết có giá trị những hệ thống xã hội. Vì vậy, chưa chắc đã là hiểu nhầm sự tự đánh giá cá nhân của ông rằng “ông là người theo quyết định xuất phát từ lĩnh vực văn hóa hơn là người theo thuyết quyết định xã hội”<sup>10</sup>.

Chắc chắn rằng không phải mô hình giải thích chức năng luận là điển hình cho thời kỳ giữa mang tính cơ cấu chức năng trong sự phát triển tư tưởng của Parsons, mà chính bản thân nó là nguyên nhân chủ yếu đến những vấn đề liên kết các hoạt động xã hội và các hệ thống xã hội. Theo quan điểm súc tích trên thì nguyên nhân là ở quyết định mang tính nguyên tắc của ông về vai trò chủ đạo của sự liên kết giá trị chuẩn mực trong mối tương tác xã hội. Tất nhiên điều đó hoàn toàn không có nghĩa là nói chung ông không chú ý tới những vấn đề mâu thuẫn và xung đột kinh tế và chính trị, hệ thống vấn đề phát triển xã hội. Ngược lại, trong thời kỳ phát triển tư tưởng này của Parsons mà chúng ta quan tâm đến thì chính những vấn đề này và đặc biệt là những cơ chế phát triển xã hội lại chiếm một vị trí cơ bản trong các công trình nghiên cứu của ông. Song ông giải thích chúng dưới lăng kính của việc xây dựng, bảo quản và phá vỡ sự liên kết giá trị - chuẩn mực, đối với ông sự tổng hợp các hệ thống giá trị là dấu hiệu thực tế cơ bản của mỗi giai đoạn mới trong sự phát triển xã hội, như lời ông nói “trong phạm vi (khuôn khổ) của hệ thống xã hội các yếu tố chuẩn mực đối với sự

Thay đổi xã hội quan trọng hơn là quyền lợi vật chất của mỗi đơn vị cấu thành”<sup>11</sup>. Có thể có nhiều sự thuyết phục, nhưng đó là xu hướng tất yếu tới chủ nghĩa duy tâm trong lý luận xã hội học được những người diễn giả có cảm tình với tư tưởng của Parsons thừa nhận: “Trong phần lý luận về các yếu tố của mình, Parsons đã che đậy sự phân tích đa dạng của mình bằng một hình thức thoái hóa và rất có hại của chủ nghĩa duy tâm xã hội học”<sup>12</sup>.

Khả năng khắc phục tính phiến diện duy tâm trong lý luận xã hội học đại cương của Parsons là như thế nào? Làm thế nào để thực hiện được ý định thực tế của ông về quan điểm đa dạng đối với thực tiễn xã hội? Trước hết cần phải giải tích tiềm năng liên kết và thay đổi thực tiễn vốn có trong mối quan hệ công nghệ, kinh tế và chính trị. Thứ hai, các nhóm xã hội khác nhau với tư cách là những nhân tố mang tính ổn định và thay đổi trong thực tiễn xã hội được chú ý hơn là khai thác mô hình bản thể luận của Parsons. Thứ ba, vấn đề khác nhau trong phạm vi các hệ thống xã hội. Những nhiệm vụ này cần được giải quyết trực tiếp cùng với sự cố gắng xác định một cách đầy đủ và trọn vẹn hơn lĩnh vực đối tượng của xã hội học Parsons đã giải quyết nhiệm vụ này như thế nào?

## 2. Chuyên môn hóa tri thức xã hội học.

Trong khi Parsons phát triển mô hình bản thể luận của mình với tư cách là một nhà xã hội học và nhằm mục đích chứng minh bản thể luận để giải thích mọi sự nhận thức thực tế xã hội. Đối với ông xác định đối tượng xã hội học là một nhiệm vụ đặc biệt theo sát các giai đoạn cơ bản trong sự tiến triển tư tưởng của ông với những tiền đề và giải pháp khác nhau.

Trong “Cơ cấu của hoạt động xã hội”, Parsons xác định xã hội học là một khoa học, ở đó vận dụng kinh nghiệm phát triển lý thuyết phân tích đối với các hệ thống hoạt động xã hội tron chừng mực mà các hệ thống có thể thông qua những giá trị chung”<sup>13</sup>. Định nghĩa này nhấn mạnh nội dung chiến lược mà ông tiếp tục sau này trong khi xây dựng một cách chi tiết lý luận xã hội học đại cương. Các hệ thống hoạt động xã hội, đối tượng trực tiếp trong các công trình nghiên cứu xã hội học trong “Hệ thống xã hội” được xác định là các thể chế xã hội. Đối với ông định nghĩa cơ bản nhất của những thể chế đó là ở chỗ chúng là những biện pháp hệ thống của những mô hình giá trị trao đổi có ý nghĩa văn hóa xã hội nào đó. Vì vậy xã hội học một lần nữa lại dựa vào chúng : “Trọng tâm vấn đề xã hội học đặc thù về phương diện hệ thống đó... liên quan đến loại hình định hướng giá trị đã thể chế hóa trong hệ thống”<sup>14</sup>. Chủ đề trọng tâm cũng được phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ này là lý thuyết xã hội học về cá nhân lại bao hàm trong nó các mô hình tiêu chuẩn – giá trị trong cơ cấu giá trị của cá nhân.

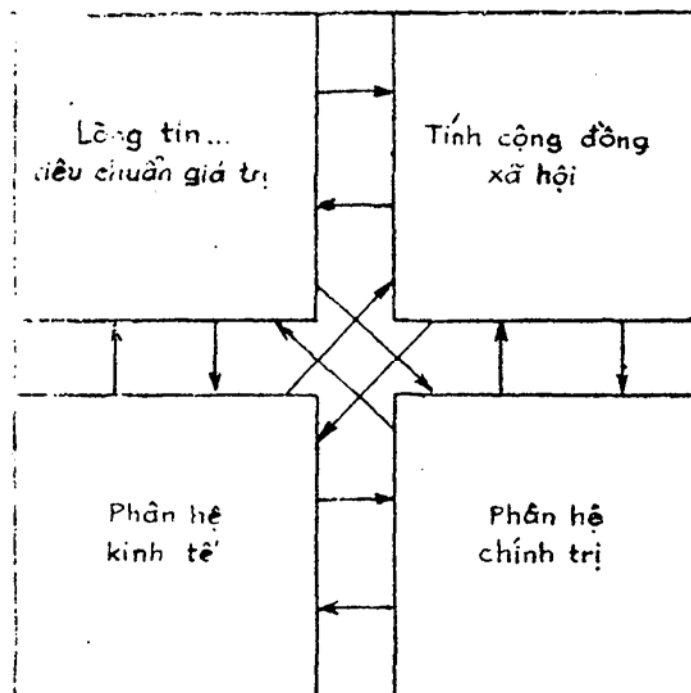
Xu hướng này trong quá trình chuyên môn hóa tri thức xã hội học được duy trì trong cả giai đoạn phát triển tư tưởng say này của Parsons. Bằng cách sử dụng sơ đồ khái niệm A – G – I – L để tách biệt các phân hệ phân tích hoạt động xã hội ông đã tập trung nghiên cứu xã hội học đối với hệ thống chuẩn mực xã hội, hệ thống này đảm bảo sự liên kết hoạt động. Đối với ông những chuẩn mực liên lết những biến hóa giá trị thực tiễn mang tính trạng thái trong một bối cảnh xã hội nhất định là tình trạng mong muốn và kéo dài tồn tại trong thực tiễn xã hội.

Trong việc giải quyết có nguyên tắc của Parsons có hai điểm vấn đề cần được lưu ý. Thứ nhất là xã hội học thật sự cần phải hướng một cách thống nhất hoặc chủ yếu tới những vấn đề bảo đảm liên kết xã hội đến mức nào? Có nên đánh giá thấp vấn đề mâu thuẫn và xung đột xã hội bởi tư cách là đối tượng nghiên cứu của xã hội học hay không? Thứ hai cần phải nói thực chất vô sự liên kết như thế nào?

Câu hỏi thứ nhất, có một lời giải đáp có ý nghĩa chức năng “I” (liên kết) mà xã hội học tập trung vào khi nghiên cứu hoạt động xã hội là thông số phân tích chứ thông phải thông số cụ thể. Chính vậy Parsons đã là đúng đắn khi cho rằng qua thông số đó có thể nghiên cứu được những sự biểu hiện của liên kết cũng như của phân chia thực tế. Trong các bài nghiên cứu của ông có vô số những thí dụ về quan điểm đó trong việc xây dựng lý thuyết xã hội học và trong việc vận dụng lý thuyết đó. Song cũng khó mà phủ nhận được rằng chính trong qua điểm xã hội học vì sự liên kết của xã hội ông thể hiện đặc biệt rõ ràng thiên hướng của mình và khẳng định những khái niệm phân tích. Thông số cụ thể cơ bản của những lý giải xã hội học chức năng của ông trong (xây dựng) hình thành và biểu hiện nhân cách, trong tính chất là ảnh hưởng của sự phân tầng xã hội và thậm chí cả những thay đổi xã hội vĩ mô cơ bản là mức độ liên kết thực tế của hệ thống xã hội tương ứng.

Thiên hướng của Parsons về đảo lộn những khái niệm phân tích – tổng hợp và thực nghiệm có thể nhằm vào tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề nội dung và cơ chế của liên kết xã hội với tính cách là đối tượng hàng đầu của các công trình nghiên cứu xã hội học. Luận điểm nguyên lý của Parsons là sự liên kết này sẽ đạt được thông qua sự tác động qua lại của 4 phân hệ phân tích trong mới hệ thống xã hội đó là phân hệ kinh tế, chính trị, tính cộng đồng xã hội và lòng tin đã được định hình mang tính chất tiêu chuẩn giá trị (hình 2).

Hình 2. Các phân hệ phân tích của hệ thống xã hội và sự tác động qua lại của chúng





Và ở cấp độ phân định ranh giới có tính phân tích Parsons tin tưởng vào giải pháp nguyên tắc của mình: Sự quan tâm chính của xã hội học khi nghiên cứu mỗi một hệ thống xã hội là hướng vào sự liên kết chuẩn mực của nó, vào tính chất là những thay đổi tính cộng đồng xã hội riêng biệt của hệ thống. Luận chứng này được củng cố thêm bởi sự phân định ranh giới đối tượng bộ môn của các ngành khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống xã hội. Ở ngành kinh tế học nghiên cứu các quá trình thích ứng – vật chất của hệ thống xã hội cùng với môi trường xung quanh nó (phân hệ kinh tế). Ở ngành chính trị học – đạt được mục đích chủ yếu là nhờ sự tác động qua lại giữa các tập thể (phân hệ chính trị) xã hội học - liên kết chuẩn mực của hệ thống xã hội được thực hiện trong tính cộng đồng xã hội của hệ thống ; và ở ngành nhân chủng học – phạm vi của giá trị, của sự xác tín về chuẩn mực giá trị giữa các thành viên trong hệ thống. Ở cấp độ xã hội như là một, song lại là hệ thống xã hội cơ bản, sự chú ý của ngành xã hội học theo Parsons là hướng đặc biệt vào cộng đồng có tính chuẩn mực xã hội của nó, thể hiện một cách đáng kể trong những mô hình giá trị trong xã hội tư tưởng chỉ đạo ở đây là một phân hệ phân tích của hệ thống xã hội hoặc qua xã hội được coi như là một hệ thống của xã hội đều có tính hợp lý hệ thống đặc trưng của mình, thể hiện ngay cả trong tính hợp lý đặc trưng của những hoạt động tương ứng, mà chính những hoạt động đó lại là đối tượng nghiên cứu về phía các ngành khoa học riêng biệt.

Trong bối cảnh đó có thể giải thích được ý kiến của đa số các nhà phê bình lý thuyết xã hội học đại cương của Parsons rằng thay cho tính chất nhiều cấp độ trong thực tế của phương pháp nghiên cứu xã hội học ông đã nghiên cứu một cách hạn chế trong sự liên kết giá trị - chuẩn mực của các hệ thống xã hội, kể cả nghiên cứu sự thay đổi và phát triển của chúng. Duy nhất chỉ có một giải pháp là mở rộng phạm vi các mối quan hệ mà xã hội học nghiên cứu bằng cách chú ý đến sự phụ thuộc và các quá trình công nghệ - sản xuất, kinh tế và chính trị có ảnh hưởng đến mối liên kết giá trị – chuẩn mực của hệ thống xã hội và ngược lại (chịu ảnh hưởng của hệ thống xã hội đó). Sự phụ thuộc nhiều mặt đó phát triển một cách hoàn chỉnh như ở cấp độ hệ thống xã hội và chắc chắn rằng mô hình lý luận của nó sẽ là định hướng bảo đảm cho việc chuyên môn hóa phương pháp nghiên cứu xã hội nhiều cấp độ gần tới thực tiễn xã hội.

### 3. Nội dung giá trị của lý luận xã hội học.

Parsons đã nhiều lần gạt bỏ bất kỳ một sự ám chỉ nào về nội dung giá trị đặc trưng riêng của lý luận xã hội học của ông. Với ông lý luận đó lý sự thể hiện duy nhất của logic riêng trong sự phát triển các tư tưởng xã hội, một sự biểu hiện thuần nhất tính hợp lý của nhận thức. Tất nhiên ông là nhà tư tưởng mà tính ở một mức độ cao biết tự điều chỉnh tính cách, nội dung và ý nghĩa của công trình nghiên cứu của mình. Vì vậy, cũng như Weber, Parsons thừa nhận vô điều kiện rằng quan điểm của mình được thực hiện trong ngữ cảnh văn hóa nhất định, mà nó đã ảnh hưởng đến sự lựa chọn đề tài và vấn đề trong việc xây dựng lý luận xã hội học. Nhưng cũng như Weber, ông cho rằng những ảnh hưởng này có thể và cần phải đặt lại ở bước đầu của sự hình thành lý luận xã hội học chứ không thể nằm trong nội dung của lý luận. Hơn thế nữa, nếu vì lý do cá nhân hoặc lý luận xã hội mà những ảnh hưởng đó xuất hiện trong phần nhận thức của lý luận thì theo ông cũng như Weber phải loại bỏ chúng ra khỏi phần đó một cách không nhân nhượng.

Sau hội thảo về “khủng hoảng trong xã hội học” có ý kiến tỏ ra nghi ngờ rằng chưa chắc cái chiến lược khoa học dựa trên cơ sở của những tiền đề hão huyền lại có thể đưa đến những kết quả tư tưởng có giá trị<sup>15</sup>. Hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên

mà cuộc hội thảo đã tập trung chủ yếu đến nội dung quan trọng chưa nhận thức được hoặc chưa được thừa nhận của quan điểm xã hội học của Parsons và của những người kế tục ông. Vậy, nói chính xác hơn nội dung giá trị những quan điểm của Parsons là ở đâu?

Trả lời câu hỏi này rất phức tạp vì Parsons thực tế theo đuổi chiến lược của mình nhằm giải phóng nhận thức xã hội học khỏi những phán đoán có giá trị hiển nhiên. Kết quả là những tư tưởng khoa học của ông bị đan bện vào nhau trong một thể không rõ ràng. Trong những công trình nghiên cứu, nội dung và phương pháp luận của ông, ông đã làm lẫn lộn những giá trị tư tưởng của mình với sự ưa thích lý luận và thực nghiệm<sup>16</sup>.

Rõ ràng rằng trong lý thuyết ý chí luận về hoạt động xã hội của ông từ biểu hiện của hệ tư tưởng tự do truyền thống. Ở đó vấn đề trọng tâm được đặt ra chính là khả năng của cá nhân định hướng tới sự hợp lý sự quyết định (lựa chọn) và hành động. Sự thay đổi trong tình hình chính trị và tư tưởng ở xã hội Mỹ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, theo hướng can thiệp một cách tích cực hơn nữa của các cơ quan nhà nước vào hoạt động cá nhân là một trong những yếu tố cơ bản làm thay đổi mô hình lý luận xã hội học đại cương của Parsons. Sự kết hợp những tư tưởng của Freud và Durkheim dẫn đến giai đoạn phát triển tư tưởng thiết chế hóa chủ nghĩa tri nhân, mà trong đó lý luận được tập trung chủ yếu vào những điều kiện nhằm duy trì trật tự giá trị - chuẩn mực xã hội, còn khái niệm và cá nhân thì được phát triển thành khái niệm về cá thể người được siêu xã hội hóa.

Thoạt nhìn sơ đề phân hạng A – G – I – L trong giai đoạn phát triển tư tưởng về sau này của Parsons là rất tổng hợp, rằng không thể sử dụng nó để thực hiện định hướng giá trị đặc biệt được. Song như đã nói ở trên là nhờ nó ông đã đặt lên hàng đầu sự liên kết giá trị chuẩn mực của các hệ thống xã hội, đánh giá thấp nhưng khi năng liên kết của những sự phụ thuộc là những quá trình xã hội khác nhau và sử dụng quan điểm lý luận này của mình để đánh giá không rõ ràng các cơ cấu và quá trình xã hội khác nhau. Điều này đặc biệt rõ ràng trong các công trình nghiên cứu tiến hóa của ông, trong đó ông đã sử dụng một bộ máy phạm trù như là cơ sở cho sự đánh giá mức độ phát triển và triển vọng của các hệ thống, xã hội khác nhau. Theo ông, một hệ thống xã hội sẽ có những đặc tính tiến hóa hoàn hảo hơn, trong chừng mực mà các hệ thống nhỏ của nó được phân hóa ra một cách mạnh mẽ hơn, tương ứng với biểu đồ 4 chức năng đã nói ở trên, cũng như trong chừng mực mà ở mức độ cao, sự liên kết các chuẩn mực của nó tương ứng với hệ thống các giá trị cơ bản. Có ý kiến cho rằng tư tưởng lý luận này được rút ra trước hết từ sự phân tích xã hội Mỹ hiện thời<sup>17</sup>. Song ông cũng nêu ra hàng loạt những câu hỏi nguyên tắc như: thực tế có đúng là sự phân hóa cơ cấu và chức năng ngày càng tăng là cơ chế có hiệu quả nhất đối với việc giải quyết những vấn đề ngày càng phức tạp trong tiến trình tiến hóa xã hội hay không và có đúng là sự liên kết giá trị, chuẩn mực là cơ chế cần và đủ để đảm bảo tính đồng nhất của hệ thống khi giải quyết những nhiệm vụ cơ bản của nó không? Những ý kiến lý luận này của Parsons chính là biểu hiện của sự định hướng giá trị nhất định trong nhận thức lý luận xã hội học của ông. Những điều này chỉ rõ ràng nhận thức xã hội học không thể nào thoát khỏi nội dung giá trị của nó, nhưng nội dung này của lý luận xã hội học đại cương có thể và cần phải trở thành đối tượng của sự phân tích và thảo luận một cách hợp lý.

Với tất cả những khiếm khuyết và phiến diện của nó song cho đến nay lý luận xã hội học đại cương của Parsons vẫn là một hệ thống lý luận được nghiên cứu một cách chi tiết và liên tục nhất trong lĩnh vực xã hội học phi Mác-xít. Vì vậy không có một công trình nghiên cứu có giá trị nào trong lĩnh vực lý luận xã hội học hiện đại lại có thể bỏ qua nó được. Sự thật rõ ràng, rằng cho đến nay “không có một lý luận nào trong xã hội học lại không được coi là tương ứng (phù hợp), nên như là không thực hiện một phần nhỏ nhất sự phủ nhận hình thức chức năng luận phân tích của Parsons<sup>18</sup>”. Nhưng những năm gần đây cho thấy hình thức này trong phê phán tiêu cực phổ biến nhất ngày càng nhường chỗ cho những sự thử nghiệm đi đến những tổng hợp lý luận mới. Và tất nhiên là mô hình “mà những người sáng tạo ra hệ thống xã hội học hướng tới (mặc dù ít trong số họ đã thừa nhận điều đó một cách khiêm tốn) chính là cơ sở lý luận rộng mở của T. Parsons<sup>19</sup>. Trong những nỗ lực muốn đi “cùng với Parsons”. kế tục Parsons có rất nhiều mặt cho đến nay còn hạn chế trong quan điểm cũng như trong cả những kết quả nghiên cứu. Nhưng đó là một trong những dấu hiệu về sự trưởng thành của ngành xã hội học như một bộ môn khoa học, dấu hiệu về sự chuyển biến của xã hội học thành một ngành tri thức phát triển. Xu hướng này là rất đáng để hy vọng đối với triển vọng của lý luận xã hội học đại cương.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexander J.C. Theoretical Logic in Sociology. Vol.IV; The Modern Reconstruction of Classical Thought Parsons. T. London. 1884. p.2.
2. Osipov G.V. Vstupitel'naja stat'ja. V.Teraer Dzb. Struktura sociologichesk'oj teorii M. 1985. c.15.
3. Xem Habermas-j. Theorie des kommunikativen Handelns. Bd.2. Frankfurt am Main, 1981. s. 295f. Munch. R.Theorie des Handelns. Frankfurt am Main, 1982. S. 171. 470 ff. ; Alexander J.C. Opcit Burshmaxija sociologija na iskhogle XX veka. Moskva 1986. c.121.
4. Xem. Za socialno-istoricheskija Kontekst ordelnite vlijanija i etapi v razvitiето na sociologichesk- kata koncepcija na Parsons. Ghenov N. Tolkt. Parsons i reoretichnata sociologia. X. 1982.
5. Xem ví dụ của Munch. R. Theorie des Handelns. S. 59 f. 625 f.
6. Xem Parsons.T. The Structure of Social Action. New York, 1968 (1937). p. 77.
7. Parsons. T. The Social System. New York. 1951. p. 67.
8. Parsons. T. R.F. Bales, E.A. Shils, Working papers in the Theory of Action. New York. 1953. p. 172.
9. Xem Parsons T. Action Theory and the Human Condition. New York. 1987, p. 361, 382.
10. Parsons T. Societies. Evolutionary and Comparative Perspectives. New Jersey 1966. p.113.
11. Parson T. Societies... p. 116.
12. Alexander J.C. The Modern Reconstruction... p.152.
13. Parsons T. The Structure of Social Action... p.768.
14. Parsons T. The Social System... , p.74.
15. Xem Gheav H. Racionloost i sociologija, 1986. S.59.
16. Alexander J.C. The Modern Reconstruction of Classical Thought... d. 195.
17. Xem Parsons T. The system of Modern Societies. p.86f.
18. Turner J.H. The Structure of Sociological Theory. Chicago. 1986. p. 86.
19. Burzuaija sociologia na iskhode XX veka, M. 1986. s.11.

Người dịch: ĐINH HIỀN CHÂU

Nguồn: Tạp chí “Những vấn đề xã hội học” Viện Xã hội học Bungari. số 1-1988, tr. 114-123.